

Số: 102a/KH-THCSNM

Ninh Mỹ, ngày 11 tháng 09 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### **Dự trừ kinh phí thu, chi các khoản thỏa thuận với cha mẹ học sinh Năm học 2023-2024**

Căn cứ Công văn số 1297/SGDĐT-KHTC ngày 06 tháng 9 năm 2023 về việc Hướng dẫn thực hiện thu, chi quản lý và sử dụng các khoản thu trong trường học năm học 2023-2024;

Căn cứ Nghị quyết số 39/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc quy định các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục ngoài học phí trong cơ sở giáo dục mầm non giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 của trường THCS Ninh Mỹ;

Trường THCS Ninh Mỹ xây dựng kế hoạch thực hiện thu, chi các khoản thỏa thuận để phục vụ học sinh với các bậc cha mẹ học sinh năm học 2023-2024 cụ thể như sau:

#### **I. Đặc điểm của trường THCS Ninh Mỹ**

##### **1. Thuận lợi**

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo và lãnh đạo thường xuyên, trực tiếp của Phòng Giáo dục Hoa Lư, của các cấp Ủy đảng, chính quyền các ban ngành, đoàn thể trong xã và huyện.

Đội ngũ giáo viên đoàn kết, nhiệt tình trách nhiệm, độ tuổi trẻ, khoẻ, trình độ CB, GV đạt chuẩn cao.

\* **Về phía địa phương:** Phong trào xã hội hoá giáo dục khá tốt. ĐU, UBND, HĐND và MTTQ xã Ninh Mỹ đặc biệt quan tâm giúp đỡ, nhân dân chăm lo cho giáo dục đặc biệt là Hội CMHS và Hội Khuyến học xã.

Học sinh và nhân dân Ninh Mỹ có phong trào hiếu học, nhà trường có truyền thống hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành. Cơ sở vật chất của nhà trường tương đối khang trang, cơ bản đầy đủ phục vụ cơ bản đảm bảo cho hoạt động dạy và học của thầy và trò.

##### **2. Khó khăn**

Là trường quy mô nhỏ, kinh phí hạn hẹp nên mọi hoạt động vậy nên mọi phong trào, mọi cuộc thi đều gặp rất nhiều khó khăn.

Ninh Mỹ là xã thuần nông ít gia đình có nghề phụ nên việc đầu tư cho giáo dục còn nhiều hạn chế.

Vị trí xã ở trung tâm huyện, có quốc lộ chạy qua, giáp ranh với thành phố vì vậy có nhiều tệ nạn xã hội rất dễ ảnh hưởng đến học sinh.

Đội ngũ nhân viên thiếu (Thiếu nhân viên y tế học đường, thư viện, thiết bị, văn thư – thủ quỹ) nên ảnh hưởng tới mọi công việc của nhà trường.

### 3. Thực trạng

#### a. Cơ cấu tổ chức

Nhà trường có hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng. Có Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - khen thưởng.

Chi bộ Đảng nhà trường gồm 20 đảng viên; có tổ chức Công đoàn gồm 24 công đoàn viên.

Chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có 04 đoàn viên; Đội TNTP Hồ Chí Minh có 407 đội viên.

Trường có 02 tổ chuyên môn (tổ khoa học tự nhiên, tổ khoa học xã hội) và 01 tổ văn phòng. Thông tin cụ thể như sau:

Thông tin	Tổng số	Số nữ	Đảng viên	Trình độ				Biên chế	Hợp đồng
				TrĐH	ĐH	CĐ	TC		
BGH	2	2	2		2			2	
Giáo viên	21	19	17		20	1		21	
TPT									
Thư viện									
Kế toán	1	1	1				1	1	
T Bị									
Bảo vệ									
<b>Tổng</b>	<b>24</b>	<b>22</b>	<b>20</b>		<b>21</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>24</b>	

#### b. Cơ sở vật chất, quy mô trường lớp, đội ngũ giáo viên.

##### \* Cơ sở vật chất:

Nhà trường có số phòng học: 10 phòng; phòng học bộ môn: 03 phòng; nhà thi đấu đa năng với diện tích 800m<sup>2</sup>; phòng thư viện: 02; phòng đoàn đội: 01; phòng truyền thống: 01; khu hiệu bộ: đủ; phòng y tế học đường: 01; Nhà kho: 01; phòng thường trực: 01.

Có khu vệ sinh dành cho giáo viên và học sinh riêng biệt.

Có tương đối đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho dạy và học.

Khuôn viên trường rộng phù hợp tổ chức các hoạt động tập thể.

##### \* Quy mô trường lớp:

Nội dung thông tin	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9	Cộng
Số lớp	3	2	2	3	<b>10</b>
Số học sinh	132	94	85	96	<b>407</b>

Số học sinh lưu ban	0	0	0	0	<b>0</b>
Bình quân học sinh/ lớp	44.0	47	42.5	32	<b>40.7</b>
Số HS nữ	63	40	42	49	<b>194</b>
Số đội viên	132	94	85	96	<b>407</b>
Số con liệt sĩ	0	0	0	0	<b>0</b>
Số con TB, BB, MSLĐ	0	0	0	2	<b>2</b>
Số con hộ nghèo	1	1	0	0	<b>2</b>
Số con cận nghèo	2	2	1	2	<b>7</b>
Số học sinh khuyết tật hoà nhập	0	1	1	2	<b>4</b>

## **II. Nội dung kế hoạch**

### **1. Mục đích, yêu cầu**

Thỏa thuận với cha mẹ học sinh tham gia đóng góp các khoản thỏa thuận để chăm lo cho việc học tập, sinh hoạt cho con em tại trường; cùng tạo ra một môi trường giáo dục an toàn, thân thiện.

Góp phần nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Kế hoạch phải nêu cụ thể dự toán các khoản thu, chi theo thỏa thuận; có thời gian thực hiện các công việc cụ thể.

### **2. Nguyên tắc**

Chỉ thực hiện thu các khoản này khi đã được sự đồng thuận, nhất trí của cha mẹ học sinh.

Mức thu phải đủ cho các khoản chi.

Các khoản thu, chi này phải được nhà trường quyết toán, công khai minh bạch và thông báo công khai với cha mẹ học sinh.

### **3. Các khoản thu - chi thỏa thuận với cha mẹ học sinh để phục vụ HS trong năm học 2023 - 2024**

#### **a) Thỏa thuận khoản thu, mức thu và thời gian thu**

STT	Tên khoản thu	Mức thu	Thời gian thu	Ghi chú
1	Trông giữ xe đạp	10.000đ/tháng	Tháng/kỳ /năm	
2	Dạy học thêm	20.000đ/buổi/3tiết	Tháng	
3	VS trường và khu vệ sinh học sinh	20.000đ/tháng	Tháng/kỳ /năm	
4	Nước uống	15.000đ/tháng	Tháng/kỳ /năm	

5	Sổ LL điện tử	60.000đ/năm	Kỳ/năm	
---	---------------	-------------	--------	--

**b) Số kinh phí dự kiến thu (9 tháng trong năm học)**

STT	Tên khoản thu	Số HS	Dự kiến kinh phí thu/ năm	Ghi chú
1	Trông giữ xe đạp	245	22.050.000đ	
2	Dạy học thêm	393	Thực tế số tiết học	
3	VS trường và dọn khu vệ sinh HS	392	70.560.000đ	
4	Nước uống	392	52.920.000đ	
5	Sổ LL điện tử	360	21.600.000đ	Nhà mạng miễn HS nghèo, cận nghèo, KT, HS có HC khó khăn

**c) Dự kiến chi các khoản (9 tháng trong năm học)**

STT	Tên khoản thu	Dự kiến chi	Ghi chú
1	Trông giữ xe đạp	- Công trông coi xe: 18.000.000đ/9 tháng. - Mua khoá, tu bổ lán xe...: 4.050.000đ/năm	
2	Dạy học thêm	- 75% GV trực tiếp dạy thêm. - 5% Tu bổ CSVC nhà trường. - 20% Chi công tác quản lý dạy học thêm.	
3	VS trường và dọn khu vệ sinh HS	+ Dọn vệ sinh khu VS học sinh: - Thuê công dọn khu vệ sinh học sinh (có 8 phòng vệ sinh nam, nữ) hằng ngày (dọn cả sáng và chiều): 2.000.000đ/tháng x 9 tháng = 18.000.000đ - Mua dụng cụ dọn nhà vệ sinh (chổi, xô, chậu, dung dịch tẩy rửa, sửa chữa hoặc phải mua mới máy bơm, dây bơm...), trang trí nhà vệ sinh, mua giấy vệ sinh: 17.280.000đ + Quét dọn vệ sinh trường: - Thuê công quét dọn vệ sinh trường (dọn	

		<p>sạch cả ngày): 3.000.000đ/tháng x 9 tháng = 27.000.000đ.</p> <p>- Thuê sử lý rác thải: 500.000đ/tháng x 9 tháng = 4.500.000đ</p> <p>- Mua dụng cụ quét dọn nhà vệ sinh (chổi, bì đựng rác thải...):3.780.000đ.</p>	
4	Nước uống	<p>+ Mua nước khoáng bình và nước khoáng đóng chai cho HS uống, căn cứ thực tế để cấp phát cho từng lớp có thể mua:</p> <p>- Mua nước khoáng cục phương.</p> <p>- Mua nước khoáng thường.</p>	
5	Sổ LL điện tử	- Nộp tiền cho nhà mạng cung cấp tin nhắn.	

#### 4. Điều khoản thực hiện

- Các khoản thu:

+ Thực hiện thu từ tháng 09/2023 (Sau khi nhà trường và Cha mẹ học sinh hoàn thành xong biên bản thỏa thuận).

+ Người thu: Kế toán lập danh sách; cha mẹ học sinh hoặc học sinh ký nộp cho thủ quỹ nhà trường.

- Các khoản chi: Chi theo nội dung đã dự toán chi, thực hiện chi trong năm học 2023 – 2024. Các khoản thu – chi đều phải có hoá đơn chứng từ hợp lệ, đúng nguyên tắc tài chính.

Nhà trường sẽ quyết toán, công khai các khoản thu, chi các khoản thoả thuận tới toàn thể CMHS trong phiên họp trường, họp CMHS cuối kỳ, cuối năm, trên trang Web nhà trường, niêm yết công khai trên bảng công khai nhà trường.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện thu, chi các khoản thoả thuận với cha mẹ học sinh năm học 2023-2024 của trường THCS Ninh Mỹ.

#### Nơi nhận:

- Ban ĐDCMHS nhà trường;
- Ban ĐDCMHS các lớp;
- BGH, CBGV, NV nhà trường
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đào Thị Nhân**

Ninh Mỹ, ngày 11 tháng 09 năm 2023

**BẢNG DỰ TRÙ**  
**Kinh phí thu các khoản thỏa thuận giữa trường THCS Ninh Mỹ với CMHS**  
**Năm học 2023- 2024**

STT	Tên khoản thu	Số HS	Dự kiến kinh phí thu/ năm	Ghi chú
1	Trông giữ xe đạp	245	22.050.000đ	
2	Dạy học thêm	393	Thực tế số tiết học	
3	VS trường, khu VS HS	392	70.560.000đ	
4	Nước uống	392	52.920.000đ	
5	Sổ LL điện tử	360	21.600.000đ	Nhà mạng miễn HS nghèo, cận nghèo, KT, HS có HC khó khăn

- Tổng số HS toàn trường: 407 HS;
- Học sinh con hộ nghèo năm học 2023 – 2024: 02 HS; con hộ cận nghèo năm học 2023 – 2024: 07 HS;
- Học sinh khuyết tật năm học 2023 – 2024: 04 HS;
- Học sinh con CĐCS (BB 61%, MSLĐ 31%) năm học 2023 – 2024: 02 HS.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đào Thị Nhân**

Ninh Mỹ, ngày 11 tháng 09 năm 2023

**BẢNG DỰ TRÙ**

**Phương án chi các khoản thỏa thuận giữa trường THCS Ninh Mỹ với CMHS  
Năm học 2023- 2024**

STT	Tên khoản thỏa thuận	Dự kiến chi	Ghi chú
1	Trông giữ xe đạp	- Công trông coi xe: 18.000.000đ/9 tháng. - Mua khoá, tu bổ lán xe...: 4.050.000đ/năm	
2	Dạy học thêm	- 75% GV trực tiếp dạy thêm. - 5% Tu bổ CSVC nhà trường. - 20% Chi công tác quản lý dạy học thêm.	
3	VS trường và dọn khu vệ sinh HS	+ Dọn vệ sinh khu VS học sinh: - Thuê công dọn khu vệ sinh học sinh (có 8 phòng vệ sinh nam, nữ) hằng ngày (dọn cả sáng và chiều): 2.000.000đ/tháng x 9 tháng = 18.000.000đ - Mua dụng cụ dọn nhà vệ sinh (chổi, xô, chậu, dung dịch tẩy rửa, sữa chữa hoặc phải mua mới máy bơm, dây bơm...), trang trí nhà vệ sinh, mua giấy vệ sinh: 17.280.000đ + Quét dọn vệ sinh trường: - Thuê công quét dọn vệ sinh trường (dọn sạch cả ngày): 3.000.000đ/tháng x 9 tháng = 27.000.000đ. - Thuê sử lý rác thải: 500.000đ/tháng x 9 tháng = 4.500.000đ - Mua dụng cụ quét dọn nhà vệ sinh (chổi, bì đựng rác thải...):3.780.000đ.	
4	Nước uống	+ Mua nước khoáng bình và nước khoáng đóng chai cho HS uống, căn cứ thực tế để cấp phát cho từng lớp có thể mua: - Mua nước khoáng cục phương. - Mua nước khoáng thường.	

5	Số LL điện tử	- Nộp tiền cho nhà mạng cung cấp tin nhắn.	
---	---------------	--	--

- Tổng số HS toàn trường: 407 HS;
- Học sinh con hộ nghèo năm học 2023 – 2024: 02 HS; con hộ cận nghèo năm học 2023 – 2024: 07 HS;
- Học sinh khuyết tật năm học 2023 – 2024: 04 HS;
- Học sinh con CĐCS (BB 61%, MSLĐ 31%) năm học 2023 – 2024: 02 HS.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đào Thị Nhân**